



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03844

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

**Tên sản phẩm** : 003 AQUATIC COMPOUND PREMIX  
**Số lượng/ khối lượng** : 600 Bao/12.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangdong Daynew Aquatic Sci-Tech Co., Ltd. (China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 008/2025/GFLA-JOLINK ngày 20/8/2025  
Hóa đơn số : 008/2025/GFLA-JOLINK ngày 20/8/2025  
Vận đơn số : COAU7262260110  
Ngày sản xuất : 27/8/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 7162/HQ-GDK-TTKN ngày 11/9/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039683)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN GREENFEED VIỆT NAM**  
Địa chỉ: đường tỉnh 832, ấp 5 Nhứt Chánh, xã Bình Đức,  
tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2736 /QĐ-TTKN

Ngày 26 tháng 9 năm 2025



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03845

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : DAYWIN COMPOUND PREMIX  
**Số lượng/ khối lượng** : 400 Bao/8.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangdong Daynew Aquatic Sci-Tech Co., Ltd. (China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 008/2025/GFLA-JOLINK ngày 20/8/2025  
Hóa đơn số : 008/2025/GFLA-JOLINK ngày 20/8/2025  
Vận đơn số : COAU7262260110  
Ngày sản xuất : 27/8/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 7162/HQ-GDK-TTKN ngày 11/9/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039683)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN GREENFEED VIỆT NAM**  
Địa chỉ: đường tỉnh 832, ấp 5 Nhựt Chánh, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2736 /QĐ-TTKN  
Ngày 26 tháng 9 năm 2025



**Phạm Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 13638/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Quách Thị Thu Huyền  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Quách Thị Thu Huyền  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 400025091227  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 23/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                               | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 003 Aquatic<br>Compound Premix mã<br>mẫu<br>(BNNPTNT292500396<br>83) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                                      | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 4,48               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                      | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                      | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                      | <i>Escherichia coli</i> (*)(**)        | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                                      | <i>Salmonella</i> spp. (*)(**)         | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 26/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 13637/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Quách Thị Thu Huyền  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Quách Thị Thu Huyền  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 400025091226  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 23/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 23/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                       | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Daywin Compound<br>Premix mã mẫu<br>(BNNPTNT292500396<br>83) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                              | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 1,45               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                              | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,94               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                              | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                                              | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                              | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 26/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.